

PHỤ LỤC SỐ 02

PHƯƠNG ÁN ĐỀ NGHỊ DANH MỤC, MỨC THU CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CÔNG LẬP KHÁC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG THEO THẺ QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2022/NQ-HĐND NGÀY 08/12/2022 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr - UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh)

1. Các nội dung và mức thu đã ban hành tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND đề nghị sửa đổi, thay thế

Theo Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND				Đề nghị sửa đổi		Lý do điều chỉnh
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Nội dung	Mức thu	
II	Các khoản thu quy định mức tối đa					
1	Chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non công lập vào ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính (trông trẻ thứ 7; trông trẻ trong hè; đón sớm, trả muộn)					
	+ Ngày thứ 7 (cho giáo viên trực tiếp giảng dạy)	đồng/học sinh/ngày	38,000	+ Ngày thứ 7 (chỉ cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên; chi tiền điện, nước, văn phòng phẩm)	46,000	Trông trẻ ngày thứ 7 có cả cán bộ quản lý, nhân viên; có sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm. Mức thu tăng 20,8% theo mức tăng lương cơ sở
	+ Ngày hè (đã bao gồm trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, ngoài giờ, quản lý)	đồng/học sinh/giờ	4,000		5,000	Mức thu tăng 20,8 % theo mức tăng lương cơ sở (từ 1.490.000 đ lên 1.800.000 đ)
	+ Đón sớm, trả muộn (trong năm học)	đồng/học sinh/giờ	4,000		10,000	Học sinh đón sớm, trả muộn mỗi lớp rất ít. Mức thu phù hợp điều kiện thực tế (Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình thu 10.000 đồng từ năm học 2021-2022)
2.3	Chăm sóc, phục vụ bán trú (trả người nấu ăn, nhân viên cấp dưỡng, trông trưa, quản lý)					Các tỉnh đều ban hành 1 mức thu cho các cấp học
	+ Mầm non, THCS (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	240,000		255,000	Mức thu tăng 6,1 % theo mức tăng lương tối thiểu vùng (từ 3.920.000 đ lên 4.160.000 đ)
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	145,000		200,000	Tiền công tương đương nhau nhưng chênh lệch với MN, THCS quá lớn cần điều chỉnh cho phù hợp

2. Các nội dung và mức thu chưa có trong Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND đề nghị bổ sung

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Học phẩm phục vụ các kỳ thi, kiểm tra đánh giá học sinh (giấy thi, giấy nháp, pho to đề thi...) tại các cơ sở giáo dục phổ thông	đồng/học sinh/năm học	70,000	Chương trình Tiểu học có 11 môn, THCS có 12 môn, THPT có 15 môn, mỗi môn 04 bài thi, kiểm tra/năm học. Như vậy, số bài thi, kiểm tra/năm học là 44 bài đối với Tiểu học, 48 bài đối với THCS, 60 bài đối với THPT. Mỗi bài thi, kiểm tra bình quân tiêu hao 04 tờ giấy (giấy thi, giấy nháp, đề thi) với số tiền: 04 tờ/bài thi x 400 đ/tờ = 1.600 đ/bài thi. Dự toán NSNN tại các đơn vị chưa bố trí khoản chi này, mức thu học phí giữ nguyên như năm học 2021-2022 lại phải chi trả tiền hợp đồng giáo viên theo ND 111/NĐ-CP (các trường tiểu học không thu học phí) nên cho phép thu khoản này là cần thiết (các tỉnh Hà Nam, Lạng Sơn, Ninh Bình thu từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng từ năm học 2021-2022).
2	Thi khảo sát chất lượng học sinh cuối cấp THCS do Phòng GDĐT tổ chức	đồng/học sinh/môn thi	32,000	Thi khảo sát học sinh cuối cấp THCS tạo điều kiện để học sinh có cơ hội tự kiểm tra, rà soát kiến thức; chuẩn bị tốt về kỹ năng, tâm lý, phương pháp làm bài; lựa chọn đăng ký trường dự thi phù hợp cho kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10. Kết quả kiểm tra còn là cơ sở để Phòng GDĐT và các trường THCS có giải pháp để phát huy điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu trong công tác dạy và học. Vì vậy, đây là một dịch vụ rất cần thiết. Áp dụng mức chi bằng 80% định mức quy định đối với kỳ thi khảo sát do Sở GDĐT tổ chức (tỷ lệ % như quy định tại NQ số 02/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh)
3	Tiền ăn sáng của trẻ mầm non (bao gồm tiền ăn, phụ phí, công quản lý, nấu ăn, phục vụ)	đồng/học sinh/ngày	12,000	Phù hợp với yêu cầu thực tế phát sinh

3. Các nội dung và mức thu giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I	Các khoản thu quy định mức cụ thể			
1	Thi khảo sát chất lượng học sinh cuối cấp THPT, GDTX chương trình THPT do Sở GDĐT tổ chức	đồng/học sinh/môn thi	40,000	Khoản thu này được trích từ nguồn thu học phí của học sinh để chuyển nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo dùng mua phôi và hoàn thiện bằng tốt nghiệp (Học sinh không phải nộp khoản thu này).
2	Tiền bằng tốt nghiệp của học sinh THCS (nằm trong mức thu học phí của học sinh)	đồng/học sinh	10,000	
5	Tiền giấy in đề, bằng tốt nghiệp của học sinh THPT, GDTX chương trình THPT (nằm trong mức thu học phí của học sinh)	đồng/học sinh	12,000	
II	Các khoản thu quy định mức tối đa			
2	Dịch vụ bán trú			
2.1	Tiền ăn (nhà trẻ: 2 bữa chính, 1 bữa phụ; mẫu giáo: 1 bữa chính, 1 bữa phụ; Tiểu học, THCS: 1 bữa chính, 1 bữa phụ)			
	+ Mâm non, Tiểu học	đồng/học sinh/ngày	23,000	
	+ THCS (nếu có)	đồng/học sinh/ngày	25,000	
2.2	Phụ phí (chất đốt, điện, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)			
	+ Mâm non, THCS (nếu có)	đồng/học sinh/tháng	65,000	
	+ Tiểu học	đồng/học sinh/tháng	45,000	
2.4	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho học sinh (trẻ) bán trú lần đầu (từ thời điểm ăn bán trú đến hết khóa học)	đồng/học sinh	200,000	
6	Dịch vụ tin nhắn, số liên lạc điện tử	đồng/học sinh/tháng	10,000	
10	Vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh trong các cơ sở giáo dục (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn)	đồng/học sinh/tháng	20,000	
III	Các khoản thu không quy định mức thu, mức trần			
1	Tiền điện điều hòa phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh.	đồng/học sinh/tháng	Theo thực tế số điện năng sử dụng	

4. Các khoản thu không nằm trong những nội dung trên đề nghị bãi bỏ (trên cơ sở Văn bản số 14/KL-KTrVB ngày 09/1/2024 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp về việc Kết luận kiểm tra Nghị quyết quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục công lập của HĐND tỉnh Gia Lai)